

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2021/HSPT

Ngày: 25/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 955/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Ngọc L và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 373/2020/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

* Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Phạm Ngọc L, sinh năm 1980; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT: số 19, ngõ 110 K, phường P, quận Đ, thành phố H; chỗ ở: số 6D ngõ 579 L1, phường X, quận T, thành phố H; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Ngọc Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; chồng là Phạm Đức H1 (đã ly thân) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Ngày 07/7/2015, Tòa án nhân dân quận T, thành phố H xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thi hành hình phạt bổ sung ngày 05/10/2018; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; (có mặt).

2. Phùng Thị Hồng L, sinh năm 1973; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT: số 545 T1, phường B1, quận T, thành phố H; chỗ ở: Tổ 1, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phùng Đức L2 và bà Bùi Thị D; chồng là Phương Tiến S và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2019; (có mặt).

** Các bị cáo không kháng cáo, bị kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1975; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: số 15 hẻm 146/11/8 V, phường K1, quận T2, thành phố H; tạm trú: số 50 V1, phường B1, quận T, thành phố H; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Đỗ Thị T3; chồng là Bạch Quang T4 và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2019; (có mặt).

2. Phạm Đức H1, sinh năm 1970; giới tính: Nam; nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường N1, quận C, thành phố H; chỗ ở: số 65 ngõ 58 N2, phường Q1, quận T, thành phố H; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Đức C1 và bà Nguyễn Thị H2; có vợ là Phạm Ngọc L (đã ly thân) và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2019; (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N*: Luật sư Nguyễn Quang T5, Văn phòng Luật sư Đ1 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc L*: Luật sư Nguyễn Xuân A, Công ty luật TNHH A1 Việt Nam. Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức H1 và bị cáo Phùng Thị Hồng L*: Luật sư Nguyễn Đình T6 - Công ty luật TNHH MTV N3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

** Người bị hại có kháng cáo*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 Việt Nam; trụ sở: số 22 N3, phường T7, quận H4, thành phố H.

Người đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Chiến – cán bộ tổ tụng (có mặt).

** Người bị hại không kháng cáo:*

1. Ngân hàng thương mại cổ phần C3 Việt Nam (TMCP C2); trụ sở: số 108 T8, phường T7, quận H4, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn H5 – Phó Giám đốc; Vắng mặt; Bà Diệp Thị Mai H6 – Cán bộ phòng bán lẻ; Bà Đào Tuyết V2 – Cán bộ phòng tổng hợp; Ông Nguyễn Văn P1 – Cán bộ Pháp chế (Đều có mặt).

2. Ông Phương Tiến S, sinh năm 1971; địa chỉ: số 51, tổ 7, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Bà Bùi Thanh T8, trú tại: P704, nhà N03 - Khu 5,3ha, phường D2, quận C, thành phố H (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn S1, trú tại: thôn T10, xã V3, huyện S2, thành phố H (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị O; trú tại: thôn T10, xã V3, huyện S2, thành phố H (vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1. Ông Đặng Hữu A - Công chứng viên Văn phòng công chứng Đ3; địa chỉ: 101 N4, Phường N5, quận T2, thành phố H (có mặt).

2. Ông Lê Thành C3 - Nhân viên Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11; địa chỉ: Tòa nhà CTM, Tầng 1 và 9, số 139 C, phường Q1, quận C, thành phố H (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Đào Thanh T12 - Nhân viên Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11; địa chỉ: Tòa nhà CTM, Tầng 1 và 9, số 139 C, phường Q1, quận C, thành phố H (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Trần Mạnh T13; trú tại: Khối 9, P2, huyện S2, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phương Tiến S là chủ sở hữu thửa đất số 43, tờ bản đồ số 24, diện tích 70m² tại tổ 1, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H (sau đây gọi tắt là thửa đất 70m²) và thửa đất số 71a, tờ bản đồ số 23, diện tích 266m² tại tổ 7 cụm 1, phường X, quận T, thành phố H (sau đây gọi tắt là thửa đất 266m²). Ông S sống chung với bà Phùng Thị Hồng L từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2018, Phùng Thị Hồng L, Phạm Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc N đã bàn bạc, thống nhất sẽ tìm người đóng giả là ông Phương Tiến S để làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên 02 thửa đất của ông S sau đó thế chấp vay ngân hàng rồi chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Phạm Ngọc L đặt vấn đề nhờ Phạm Đức H1 (chồng cũ của Phạm Ngọc L) đóng giả là ông Phương Tiến S để thực hiện các hành vi trên. Do cần tiền đưa cho Ngọc Liên cấp dưỡng nuôi con, H đã đồng ý. Bằng thủ đoạn này Phùng Thị Hồng L, Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N và Phạm Đức H1 đã lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 và Ngân hàng TMCP C3 Việt Nam - Chi nhánh H với tổng số tiền 24.400.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 10 tỷ đồng của Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11:

Khoảng tháng 02/2017, ông S sửa nhà nên đưa cho Phùng Thị Hồng L cất giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 43, tờ bản đồ số 24, tại tổ 1, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H và thửa đất số 71a, tờ bản đồ

số 23, tại tổ 7, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H đều mang tên Phương Tiến S. Do Phùng Thị Hồng L đang còn nợ của Phạm Ngọc L 200.000.000 đồng chưa trả được nên Phùng Thị Hồng L đã đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Phạm Ngọc L giữ để làm tin. Ngoài ra, Phùng Thị Hồng L đang nợ người khác và nợ ngân hàng khoảng 250 triệu đồng đến hạn phải thanh toán, Phùng Thị Hồng L hỏi vay tiền Phạm Ngọc L để trả nợ nhưng Phạm Ngọc L không đồng ý cho vay. Sau đó, Phạm Ngọc L dẫn Phùng Thị Hồng L đến gặp bạn là Nguyễn Thị Ngọc N để hỏi vay tiền, N yêu cầu phải có tài sản đảm bảo thì Phùng Thị Hồng L nói có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chồng là ông Phương Tiến S nhưng nếu dùng để thế chấp ông S sẽ không đồng ý. N nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp vay số tiền lớn của ngân hàng để chiếm đoạt chia nhau sử dụng. N bàn với Phùng Thị Hồng L và Phạm Ngọc L là hiện N đang đứng tên Giám đốc 02 công ty là Công ty TNHH phát triển thương mại và dịch vụ H6 (Công ty H6) và Công ty TNHH kinh doanh và thương mại Q3 (Công ty Q3), N sẽ làm thủ tục cho Phùng Thị Hồng L làm Giám đốc Công ty H6 để dùng mảnh đất của ông S làm tài sản bảo lãnh thế chấp để Công ty H6 vay tiền ngân hàng. Cả ba thống nhất Phạm Ngọc L sẽ tìm người đóng giả ông S để làm các thủ tục bảo lãnh thế chấp. Sau khi thống nhất Phạm Ngọc L đã chuyển số tiền 250.000.000 đồng cho Phùng Thị Hồng L để trả nợ. Ngày 20/3/2017, N làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh để Phùng Thị Hồng L làm Giám đốc Công ty H6 và đưa tên ông Phương Tiến S là thành viên góp vốn. Phạm Ngọc L nhờ chồng cũ là Phạm Đức H1 đóng giả ông S thực hiện các giao dịch với Văn phòng công chứng và ngân hàng, H1 đồng ý. Phạm Ngọc L và N đã dùng ảnh của H1 thuê người làm giả giấy chứng minh nhân dân mang tên Phương Tiến S để xuất trình khi công chứng và giao dịch với ngân hàng. Do thủ tục vay ngân hàng phải ký nhiều các giấy tờ nên N và Phùng Thị Hồng L thống nhất để N sẽ ký thay Phùng Thị Hồng L. Ngày 05/4/2017, N, Phạm Ngọc L và Phạm Đức H1 đến Văn phòng Công chứng Đ3 tại số 101 N4, phường Phường N5, quận T2, thành phố H để công chứng Hợp đồng bảo lãnh số 02196.2017/HĐTC, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 71a, tờ bản đồ số 23, tại tổ 7, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H diện tích 266m², để Công ty H6 vay tiền Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11. H1 ký, viết tên Phương Tiến S vào mục bên bảo lãnh thế chấp, có chứng nhận của Công chứng viên Lê Quốc H1 (trước đó N đã đưa chứng minh giả mang tên Phương Tiến S cho H1). Sau đó, Phạm Ngọc L, N, H1 đến Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 tại số 139 C, phường Q1, quận C, thành phố H để làm thủ tục vay tiền. Tại đây, N ký thay Phùng Thị Hồng L, đóng dấu Công ty H6 vào Hợp đồng hạn mức tín dụng số 105/2017/HĐBĐ/PVB-TLG với Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11, nội dung: cấp hạn mức cho Công ty H6 số tiền cho vay không vượt quá 3.000.000.000 đồng, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất 266m². Sau đó, ngày 13/4/2017 và ngày 14/4/2017, N ký thay Phùng Thị Hồng L đại diện Công ty H6 vào Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận

nợ số 01-105/2017/HĐBĐ/PVB-TLG và số 02-105/2017/HĐBĐ/PVB-TLG vay ngân hàng tổng số tiền 3.000.000.000đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua hàng hóa cho Công ty Q3. Ngày 13/4/2017 và ngày 14/4/2017 Ngân hàng Đ2 Việt Nam giải ngân số tiền 3.000.000.000đồng vào tài khoản số 103000220173 của Công ty Q3 mở tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh H. N đã rút toàn bộ số tiền trên và chia cho Phùng Thị Hồng L 500.000.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng tiền mặt, 250.000.000 đồng Phùng Thị Hồng L đã nhận trước đó và 200.000.000 đồng Phùng Thị Hồng L trả nợ cho Phạm Ngọc L), số tiền còn lại 2.700.000.000 đồng N và Phạm Ngọc L sử dụng chung để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Do còn hạn mức tín dụng đối với tài sản thế chấp tại Ngân hàng nên N tiếp tục bàn bạc với Phạm Ngọc L, Phùng Thị Hồng L là sẽ vay thêm để mua xe ô tô làm phương tiện đi lại sử dụng chung. Ngày 04/5/2017, N, Phạm Ngọc L và H1 đến Văn phòng Công chứng Đ3 để Hùng ký Hợp đồng sửa đổi (lần 1) hợp đồng bảo lãnh thế chấp quyền sử dụng đất số **HDSD 01-105-207-HDBD/PVB-TLG**, với nội dung: Tài sản bảo đảm là thửa đất 266m² bảo đảm cho 02 khoản vay: 3.000.000.000đồng ngày 05/4/2017 và khoản vay 1.690.000.000đồng mua xe ô tô (tổng cộng 2 khoản vay là 4.690.000.000đồng), H1 ký, ghi tên Phương Tiến S vào hợp đồng. Cùng ngày, tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11, N ký thay Phùng Thị Hồng L vào Hợp đồng cho vay số 146/2017/HĐTD/PVB-TLG và Khế ước nhận nợ số 01-146 với Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 để vay số tiền 1.690.000.000đ, mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô cho Công ty cổ phần truyền thông và dữ liệu thanh toán A2, địa chỉ: số 11, đường P3, phường M, quận N6, thành phố H. Sau khi Công ty H6 được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Mercedes GLC 250 mang BKS 30E-935.45. Ngày 03/10/2017, N làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh để Nguyễn Thị Ngọc N thay Phùng Thị Hồng L làm Giám đốc Công ty H6. Ngày 21/9/2018, N đại diện Công ty H6 bán xe ô tô trên cho anh Phạm Khả T14, trú tại: số 6D ngõ 579 L1, phường Q1, quận C, thành phố H (anh T14 hiện chung sống như vợ chồng với Phạm Ngọc L) với giá là 220.000.000đồng. Ngày 29/10/2018, anh T14 đã bán chiếc xe trên cho Trịnh Xuân D2, HKTT: số 347 N6, phường Đ4, quận L4, thành phố H và anh D2 đã làm thủ tục sang tên là chủ sở hữu chiếc xe ô tô này.

Đến tháng 7/2017, do không có tiền trả các khoản gốc, lãi vay theo định kỳ, sợ ngân hàng thông báo cho ông Phương Tiến S thì sẽ bị bại lộ nên N gọi Phạm Ngọc L và Phùng Thị Hồng L đến nhà N cùng bàn bạc thống nhất: N sẽ vay tiền để thanh toán khoản vay tại Ngân hàng Đ2 Việt Nam để rút sổ đỏ về, giải chấp và tìm người giả đứng tên nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích 266m² rồi tiếp tục thế chấp thửa đất này để vay ngân hàng khoản tiền lớn hơn để chia nhau. Phạm Ngọc L tiếp tục nhờ Hùng giả mạo là ông S ký các hợp đồng chuyển nhượng và làm các thủ tục để sang tên “sổ đỏ” mới, đứng tên mở tài khoản để Ngân hàng giải ngân khi được duyệt vay còn Phùng Thị Hồng L có

nhệm vụ theo dõi xem khi nào ông S vắng nhà để mời cán bộ ngân hàng đến thẩm định, định giá. Tại thời điểm này Phùng Thị Hồng L đang cần tiền để xin việc cho con trai (con riêng của L) nên Phùng Thị Hồng L đồng ý. Cả ba thống nhất từng đối tượng thực hiện như đã phân công và số tiền vay được sẽ chia nhau sử dụng.

Ngày 05/3/2018, N cùng H1 đến Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 để làm thủ tục tất toán 2 khoản vay: 3.000.000.000 đồng và 1.690.000.000 đồng và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 266m². Sau khi giải chấp, N tìm người đứng tên giả nhận chuyển nhượng thửa đất để lấy lý do vay tiền ngân hàng để thanh toán tiền mua thửa đất này. Thông qua anh Trần Mạnh T13, trú tại: Khối 9, P2, huyện S2, thành phố H, N nhờ được vợ chồng ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị O, trú tại: thôn T10, xã V3, huyện S2, thành phố H đứng tên nhận chuyển nhượng thửa đất 266m² và nhờ anh Đào Thanh T9 là nhân viên Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 tư vấn hỗ trợ trong việc vay vốn. T9 đã nhờ đồng nghiệp là anh Lê Thành C2 tư vấn hỗ trợ giúp N. Ngày 06/3/2018, N, Phạm Ngọc L và Hùng đến Văn phòng công chứng Đ3 để H1 tiếp tục giả mạo là ông Phương Tiến S ký Giấy ủy quyền số 01347.2018/GUQ, nội dung: Ông Phương Tiến S ủy quyền cho Lê Thành C2 thực hiện việc giải chấp khoản vay tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày 06/3/2018, Hùng đến Ngân hàng Đ2 Việt Nam đăng ký mở tài khoản cá nhân mang tên Phương Tiến S và được Ngân hàng cấp số tài khoản 103000463546. Ngày 08/3/2018, tại Văn phòng công chứng Đ3, Hùng ký, điểm chỉ mang tên Phương Tiến S ở mục người chuyển nhượng trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 01479.2018/HĐCN chuyển nhượng thửa đất 266m² cho ông S1, bà O và Giấy ủy quyền quyền số 01480.2018/GUQ nội dung ông Phương Tiến S và vợ chồng ông S1, bà O ủy quyền cho Lê Thành C1 thực hiện nộp hồ sơ đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, nộp và nhận thông báo thuế, phí và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên do cơ quan có thẩm quyền giao lại. Ngày 09/3/2018, ông S1 và bà O đến Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 ký Hợp đồng tín dụng số 142/2018/HĐTD/PVB-TLG vay số tiền 10.000.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán tiền mua thửa đất 266m² của ông Phương Tiến S, thời hạn vay 180 tháng. Ngày 10/3/2018, Ngân hàng giải ngân 10.000.000.000 đồng và chuyển tiền vào tài khoản số 103000463546 mang tên ông Phương Tiến S nhưng Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam-Chi nhánh T11 vẫn phong tỏa tài khoản chờ hoàn thiện thủ tục sang tên chuyển nhượng thửa đất thế chấp. Ngày 12/3/2018 và 27/3/2018, C1 đến Văn phòng đăng ký đất đai H - Chi nhánh quận T làm thủ tục xóa thế chấp, nộp lệ phí trước bạ nhà đất, đăng ký biến động đất đai người nhận quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Văn S1, sau đó mang “sổ đỏ” về đưa cho T9 - Cán bộ ngân hàng phụ trách hồ sơ. Ngày 28/3/2018, Tùng và Công đưa ông S1 - bà O đến Văn phòng công chứng Đ3 ký hợp đồng thế chấp thửa đất 266m² nói trên cho Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 để vay số tiền 10.000.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục thế chấp, ngày

29/3/2018 Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 mở phong tỏa tài khoản, giải ngân số tiền 10.000.000.000đồng. Từ ngày 29/3/2018 đến ngày 02/7/2018, N cùng H1 đã 05 lần đến Ngân hàng Đ2 Việt Nam Chi nhánh T11 để làm thủ tục rút hết số tiền 10.000.000.000 đồng. Số tiền rút được, N đã chuyển khoản 1.350.000.000 đồng vào tài khoản số 0611001948197 của Phạm Ngọc L mở tại Ngân hàng V4 và trước đó đã đưa cho Phùng Thị Hồng L tiền mặt và tiền trừ nợ tổng cộng 500.000.000 đồng, còn lại 8.150.000.000 đồng N chiếm đoạt dùng trả nợ cá nhân và chi tiêu hết. Phùng Thị Hồng L có hỏi tại sao chưa chia tiền thì N, Phạm Ngọc L nói dối là chưa được giải ngân.

Tại Kết luận giám định số 1219 ngày 28/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận: 01 dấu in đường vân ở bên phải chữ ký đứng tên Phương Tiến S trong giấy ủy quyền số công chứng 0148.2018; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 01479.2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số công chứng 02196.2017 và Hợp đồng sửa đổi (lần 1) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số công chứng 02929.2017 và dấu in đường vân ngón trỏ phải của Phạm Đức H1 là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 2525, ngày 26/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ và tên Phương Tiến S trong giấy ủy quyền số công chứng 0148.2018; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 01479.2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số công chứng 02196.2017; Hợp đồng sửa đổi (lần 1) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, số công chứng 02929.2017; Giấy rút tiền đề ngày 29/3/2018, 30/3/2018, 26/4/2018, 24/5/2018, 02/7/2018 so với mẫu chữ ký, chữ viết Phạm Đức H1 là cùng một người ký và viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ và tên Phương Tiến S trong Giấy đề nghị mở tài khoản cá nhân đề ngày 06/3/2018 so với mẫu chữ ký, chữ viết của Phạm Đức H1.

Tại Cơ quan điều tra: Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Đức H1 và Phùng Thị Hồng L khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị Ngọc N đã trả cho Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 số tiền 279.791.583đồng, đến nay Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 yêu cầu bồi thường số tiền 9.720.208.417đồng và đề nghị xử lý các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2019, Phạm Ngọc L đã tự nguyện giao nộp số tiền 60.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục thiệt hại.

Như vậy đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Ngọc L, Phạm Đức H1 và Phùng Thị Hồng L đã lừa đảo chiếm đoạt 10.000.000.000 đồng của Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11, trong đó N hưởng lợi

8.150.000.000 đồng, Phạm Ngọc L hưởng lợi 1.350.000.000 đồng và Phùng Thị Hồng L hưởng lợi 500.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 14,4 tỷ đồng của Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh Hà Nội.

Đầu tháng 7/2018, Phạm Ngọc L đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 70m² của ông S do Phùng Thị Hồng L đưa trước đó nên Phạm Ngọc L đã bàn bạc thống nhất với N là sẽ tiếp tục nhờ Hùng đóng giả là ông Phương Tiến S để làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên thửa đất 70m² này cho N để N đứng tên thế chấp vay tiền ngân hàng. Để có tiền đóng thuế đất và làm thủ tục chuyển nhượng sang tên, khoảng giữa tháng 7/2018, N hỏi vay của bà Bùi Thanh T15; HKTT: P704 nhà N03-Khu 5,3 ha, phường D2, quận C, thành phố H số tiền 2.500.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận đến nay N không nhớ. Để đảm bảo N phải thanh toán tiền vay, bà T15 yêu cầu phải được ủy quyền làm các thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng thửa đất 70m² này thì mới cho vay. Ngày 16/7/2018, tại Văn phòng công chứng Đ3, H1 đóng giả chủ đất là ông Phương Tiến S ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 70m² cho Nguyễn Thị Ngọc N (số công chứng 05232.2018/HĐCN) và cùng Nguyễn Thị Ngọc N ký Giấy ủy quyền cho Bùi Thanh T15 thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất thửa đất trên (số chứng thực 0719.2018/CNCK). Sau đó bà T15 giao cho N số tiền 2.500.000.000 đồng (có viết hợp đồng vay tiền), N giao toàn bộ số tiền này cho Phạm Ngọc L để chi phí làm thủ tục nộp thuế, sang tên sổ đỏ hết. Ngày 23/7/2018, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0448298, thửa đất số 43 một phần tờ bản đồ số 24 tại địa chỉ: tổ 1, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H, diện tích 70m² đứng tên Nguyễn Thị Ngọc N. Biết thửa đất trên ông S đang cho anh Phạm Hoàng **Thắng (HKTT: đường Hoàng Sào, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai)** thuê để kinh doanh nên Phạm Ngọc L đã liên hệ với anh Thắng để thuê lại với mục đích khi cán bộ Ngân hàng đến thẩm định giá trị thửa đất sẽ không phát hiện được. Để có lý do vay vốn ngân hàng, N lấy lý do đã vay của Bùi Thanh T15 3,4 tỷ đồng và vay của Phạm Ngọc L 11 tỷ đồng để mua thửa đất 70m² và đề nghị thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng để vay 14,4 tỷ đồng nhằm trả nợ 2 khoản vay này. Ngày 20/8/2018, tại Văn phòng công chứng số 1 thành phố H, số 310 B3, phường L6, quận H7, thành phố H, N ký hợp đồng thế chấp thửa đất 70m² cho Ngân hàng TMCP C2 Chi nhánh Hà Nội để vay số tiền 14.400.000.000 đồng (số công chứng 546218 ngày 22/8/2018), N ký Hợp đồng vay số 01/2018-HĐCV/NHCT/106-NGOCNGUYEN với Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh Hà Nội để vay số tiền 14.400.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay là để trả nợ tiền vay mua thửa đất 70m² cho bà Bùi Thanh T15 số tiền 3.400.000.000 đồng và trả nợ cho Phạm Ngọc L số tiền 11.000.000.000 đồng. Cùng ngày, Ngân hàng giải ngân số tiền trên với hình thức chuyển khoản 3.400.000.000 đồng vào tài khoản số 109868796143 của Bùi Thanh T15 mở tại TMCP C2 -

chi nhánh C4; chuyển khoản 11.000.000.000 đồng vào tài khoản số 102003773894 của Phạm Ngọc L mở tại Ngân hàng TMCP C2 - chi nhánh Đ theo ủy nhiệm chi của N. Sau đó, Phạm Ngọc L đã rút toàn bộ số tiền 11 tỷ đồng; Phạm Ngọc L giữ lại 5 tỷ đồng và chuyển 6 tỷ đồng vào tài khoản số 10821356177012 của N mở tại Ngân hàng T16 - chi nhánh H4. Bùi Thanh T15 rút 3,4 tỷ đồng, giữ lại số tiền 2.500.000.000 đồng đã cho N vay còn lại 900.000.000 đồng T15 trả lại cho Phạm Ngọc L, số tiền này N và Phạm Ngọc L sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại Kết luận giám định số 1219 ngày 28/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận: 01 dấu in đường vân ở bên phải chữ ký đứng tên Phương Tiến S trong Giấy ủy quyền số công chứng 0719.2018; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 05232.2018 và dấu in đường vân ngón trỏ phải của Phạm Đức H1 là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 2525 ngày 26/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ và tên Phương Tiến S trong giấy ủy quyền số công chứng 0719.2018; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 05232.2018 so với mẫu chữ ký, chữ viết Phạm Đức H1 là cùng một người ký và viết ra.

Tại Cơ quan điều tra: Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Ngọc L, Phạm Đức H1 khai nội dung như đã nêu trên.

Đến nay Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh Hà Nội yêu cầu bồi thường số tiền 14.340.000.000 đồng và đề nghị xử lý các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Đức H1 đã lừa đảo chiếm đoạt 14.400.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP C2 - Chi nhánh C4, trong đó Nguyễn Thị Ngọc N chiếm hưởng 8.500.000.000 đồng, Phạm Ngọc L chiếm hưởng 5.900.000.000 đồng; Phạm Đức H1 không được chia tiền, đồng phạm giúp sức cho Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N do nể nang Liên.

- Đối với ông Lê Quốc H1 - Công chứng viên Văn phòng công chứng Đ3: Quá trình điều tra xác định ông H1 không biết việc Phạm Đức H1 giả mạo ông Phương Tiến S để làm các thủ tục công chứng và không biết Phạm Đức H1 sử dụng giấy chứng minh thư mang tên Phương Tiến S là giả nên Lê Quốc H1 đã làm các thủ tục công chứng, mọi thủ tục công chứng đều được thực hiện theo đúng quy định. Ông H1 đã chết vào tháng 6/2019 nên Cơ quan điều tra không xét xử lý.

- Đối với ông Đặng Hữu A - Công chứng viên Văn phòng công chứng Đ3: Quá trình điều tra xác định ông Anh không biết việc Phạm Đức H1 giả mạo ông Phương Tiến S để làm các thủ tục công chứng và không biết Hùng sử dụng giấy chứng minh thư mang tên Phương Tiến S là giả nên ông A đã làm

các thủ tục công chứng, mọi thủ tục công chứng đều được thực hiện theo đúng quy định nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

- Đối với ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị O: Quá trình điều tra xác định, ông S1 và bà O không biết việc Phạm Đức H1 giả mạo ông Phương Tiến S để sang tên “sổ đỏ”, không biết việc N, Phùng Thị Hồng L và Phạm Ngọc L sử dụng “sổ đỏ” để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10.000.000.000 đồng của Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - chi nhánh T11, ông S1, bà O chỉ được nhờ đứng tên vào không được hưởng lợi gì, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Lê Thành C1 và Đào Thanh T9 là nhân viên Ngân hàng Đ2 Việt Nam - chi nhánh T11: Quá trình điều tra xác định C1 và T9 không biết Phạm Đức H1 đóng giả là ông Phương Tiến S nên đã làm thủ tục, lập, thẩm định và hỗ trợ trong việc vay vốn. Tại Kết luận giám định số 1065/KL.HAN-TTGS1 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - chi nhánh thành phố H xác định hành vi của C1, T9 không có vi phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với Bùi Thanh T15 khi cho N vay 2.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận để N làm thủ tục sang tên thửa đất 70m² là quan hệ dân sự. Bà T15 không biết H1 giả danh ông S là chủ đất, không biết mục đích N, L sang tên thửa đất để lừa đảo vay ngân hàng nên không có căn cứ xử lý đối với bà Bùi Thanh T15.

- Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 092120 do UBND quận T cấp ngày 26/02/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 083688 do UBND quận T cấp ngày 16/6/2010 mà Phùng Thị Hồng L đưa cho ông Phương Tiến S ngày 01/6/2017. Tại Kết luận giám định số 9574 ngày 27/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả. Quá trình điều tra không xác định ai đã làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Phùng Thị Hồng L có đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông Phương Tiến S. Hành vi sử dụng sổ đỏ giả của Phùng Thị Hồng L đưa cho ông S không phải là để thực hiện hành vi trái pháp luật mà mục đích chỉ để ông S yên tâm không biết là L đã dùng sổ đỏ thật cầm cố vay ngân hàng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 373/2020/HS-ST ngày 19/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Ngọc L, Phùng Thị Hồng L và Phạm Đức H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng các Điều 106, 136; 268; 326, 327 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Thị Ngọc N 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/05/2019.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Phạm Ngọc L 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 48; Điều 50, 130 luật hình sự năm 2015; xử phạt Phùng Thị Hồng L 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/03/2019.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 48; Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Phạm Đức H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/03/2019.

Về trách nhiệm dân sự:

1. Đối với Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N; Phạm Ngọc L; Phùng Thị Hồng L phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Đ2 Việt Nam số tiền 9.720.208.417 đồng, trong đó:

- Nguyễn Thị Ngọc N bồi thường số tiền 7.870.208.417 đồng (bảy tỷ tám trăm bảy mươi triệu hai trăm linh tám nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

- Phùng Thị Hồng L phải bồi thường 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Phạm Ngọc L phải bồi thường 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

2. Đối với Ngân hàng TMCP C3 Việt Nam: Đã bị các bị cáo chiếm đoạt số tiền 14,4 tỷ đồng. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N; Phạm Ngọc L phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng TMCP C3 Việt Nam số tiền cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Ngọc N bồi thường 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng. N đã trả được 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng tiền gốc. Còn phải bồi thường tiếp 8.440.000.000 (tám tỷ bốn trăm bốn mươi triệu) đồng.

- Phạm Ngọc L bồi thường 5.900.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm triệu). Số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) bị cáo Phạm Ngọc L đã nộp cho cơ quan điều tra trả lại cho Ngân hàng TMCP C3 Việt Nam và được đối trừ vào khoản bồi thường của bị cáo và còn phải bồi thường tiếp số tiền 5.840.000.000 đồng (năm tỷ tám trăm bốn mươi triệu) cho Ngân hàng TMCP C3 Việt Nam.

- Trả cho Ngân hàng TMCP C3 Việt Nam số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu) đã thu của bị cáo Phạm Ngọc L; cơ quan điều tra đã chuyển vào tài khoản số 3949.1052728 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H tại Kho Bạc Nhà nước H7 ngày 25/10/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020, bị cáo Phạm Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Ngày 01/10/2020, bị cáo Phùng Thị Hồng L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/10/2020, người bị hại là Ngân hàng TMCP Đ2 Việt Nam kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết, nhưng bị cáo cho rằng không trực tiếp đến làm thủ tục tại các Ngân hàng, số tiền bị cáo chỉ hưởng hơn tám trăm triệu, hoàn cảnh hiện rất khó khăn, bốn con còn nhỏ không người chăm sóc vì trong vụ án này cả bố và mẹ đều phải đi tù, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Phùng Thị Hồng L thừa nhận mình có hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và xin rút đơn kháng cáo tại phiên tòa.

- Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Đức H1 công nhận mình có hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên mọi lời khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, không có ý kiến gì khác.

- Đại diện Ngân hàng TMCP Đ2 Việt Nam có quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố H xác định Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 Việt Nam là bị hại, đồng thời tuyên hủy toàn bộ các giao dịch liên quan đến việc thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Đ2 Việt Nam và ông Nguyễn Văn S1 là chưa phản ánh đúng vai trò của Ngân hàng TMCP Đ2 Việt Nam. Việc không đưa ông Nguyễn Văn S1 vào tham gia tố tụng với bất cứ vai trò gì là không đúng bởi các thủ tục vay vốn là giữa Ngân hàng và ông S1, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S1 cũng đã thực hiện được một phần trả nợ, Ngân hàng là bên thứ ba ngay tình. Quá trình điều tra xác minh không làm rõ vai trò của ông S1 bởi đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng là bị hại thì ông S1 có phải là đồng phạm không. Do đó đại diện Ngân hàng giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm về vụ án như sau: Ngân hàng Đ2 Việt Nam kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra bổ sung với lý do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy toàn bộ các giao dịch liên quan đến việc thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Đ2 Việt Nam với ông Nguyễn Văn S1 là phản ánh chưa đúng vai trò của Ngân hàng trong vụ án; không đưa ông Nguyễn Văn S1 vào tham gia tố tụng là không đúng quy định. Về các nội dung kháng cáo trên nhận thấy:

+ *Về trách nhiệm hình sự:* Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2018, Phùng Thị Hồng L, Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N và Phạm Đức H1 đã dùng thủ đoạn gian dối, đóng vai chủ sở hữu tài sản, sử dụng các giấy tờ tùy thân giả để thực hiện các thủ tục chuyển nhượng nhà đất trái phép sau đó chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP C2 Việt Nam là 14.400.000.000 đồng; chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP Đ2 Việt Nam (Ngân hàng Đ2 Việt Nam) là 10.000.000.000đ. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 24.400.000.000đ. Trong đó, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N và Phạm Ngọc L đều đóng vai trò chủ mưu, khởi xướng và thực hiện việc chiếm đoạt tiền ở cả hai ngân hàng, các bị cáo Phùng Thị Hồng L và Phạm Đức H1 có vai trò giúp sức tích cực trong vụ án. Với tình tiết chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là đúng quy định.

+ *Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Nhận thấy, các bị cáo phạm tội nhiều lần, ở hai ngân hàng khác nhau; cách thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm hết sức tinh vi, từ việc nhờ người đóng vai chủ sở hữu tài sản, ký giả chữ ký, sử dụng các giấy tờ tùy thân giả tên chủ sở hữu để lừa đảo khiến cho các ngân hàng tin là thật dẫn đến ký các hợp đồng thế chấp bảo lãnh khoản vay với người không phải là chủ tài sản; các bị cáo còn dùng thủ đoạn gian dối giả chủ sở hữu qua mặt cơ quan công chứng, cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để thực hiện việc chuyển nhượng bất hợp pháp tài sản.

+ *Về phạm vi người tham gia tố tụng trong vụ án:* Nhận thấy, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị O, trú tại Thôn T10, xã V3, huyện S2, thành phố H là người được các bị cáo nhờ đứng tên để nhận chuyển nhượng thửa đất 266m² của ông Phương Tiến S. Xác định việc chuyển nhượng diện tích đất trên là không đúng pháp luật nên tòa sơ thẩm tuyên hủy các giao dịch do ông S1 đứng tên là đúng quy định. Tòa án cũng đã đưa ông Nguyễn Văn S1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Kháng cáo của Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

+ *Về kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc L:* Xét thấy bị cáo có 01 tiền án, bị cáo chưa có ý thức khắc phục thiệt hại cho các ngân hàng; bị cáo có vai trò khởi xướng và thực hiện tội phạm tích cực (chủ động tìm người đóng giả ông Phương Tiến S, chủ động thuê người làm giả chứng minh thư mang tên Phương Tiến S, chủ động đến văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp tài sản, chủ động đến ngân hàng ký các chứng từ giao dịch và nhận tiền. Hình phạt 18 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có phần nhẹ chưa phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với thiệt hại của ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam là 10.000.000.000đ bị cáo Phạm Ngọc L bồi thường 1.350.000.000 đ là phù hợp, tương xứng với mức độ lỗi và số tiền hưởng lợi của bị cáo.

Đối với thiệt hại của Ngân hàng TMCP C2 là 14.400.000.000đồng nên buộc bị cáo Phạm Ngọc L bồi thường 5.900.000.000đồng là phù hợp, tương xứng với mức độ lỗi và số tiền hưởng lợi của bị cáo.

+ Đối với các giao dịch chuyển nhượng nhà đất, thế chấp, bảo lãnh liên quan đến 2 diện tích đất của ông Phương Tiến S được thế chấp ở hai ngân hàng cần xác định đây là các giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các giao dịch trên là đúng pháp luật. Đối với phần thiệt hại không cho thuê được căn nhà của ông S do không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa sơ thẩm tách ra thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu là phù hợp.

+ *Đối với bị cáo Phùng Thị Hồng L:* Trên cơ sở đánh giá nhân thân và vai trò đồng phạm Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin rút đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phùng Thị Hồng L.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

- Quan điểm bào chữa của Luật sư: Bị cáo Phạm Ngọc L không phải là người đề xuất chủ trương, vạch ra kế hoạch lừa đảo chiếm đoạt tiền của các Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam và TMCP C2 bị cáo chỉ giới thiệu Phùng Thị Hồng L cho Nguyễn Thị Ngọc N với mục đích là giúp Phùng Thị Hồng L có tiền để hoàn trả khoản vay cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện các thủ tục vay vốn của ngân hàng và làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 266m² của ông Phương Tiến S cho ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị O thì bị cáo đều không tham gia và không biết N thực hiện như thế nào. Trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển nhượng mảnh đất 266m² của ông Phương Tiến S cho ông Nguyễn Văn S1 bà Nguyễn Thị O, vay tiền ngân hàng gồm Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Đức H1, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị O, Trần Mạnh T8, Đào Thanh T9, Lê Thành C1 và công chứng viên Đặng Hữu A. Suốt quá trình làm các thủ tục giấy tờ vay tiền ngân hàng và sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 266m² của ông Phương Tiến S thì bị cáo Phạm Ngọc L không tham gia, không đến ngân hàng để làm thủ tục vay tiền hay rút tiền dưới bất kỳ hình thức nào.

Về hoàn cảnh của gia đình bị cáo có bố mẹ già, bệnh tật, đau yếu, phải đi viện luôn, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, đang nuôi 04 con. Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn, hợp tác tích cực, khai báo đầy đủ trong suốt các quá trình tố tụng, luôn ăn năn, hối cải về việc làm của mình. Bị cáo đã nhận rõ sai phạm của mình nên đã tự nguyện nộp lại cho cơ quan điều tra số tiền 60 triệu đồng, coi đó là thiện ý góp phần khắc phục một phần hậu quả của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Những quan điểm của đại diện Ngân hàng và luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc L đều đã được xem xét ở phiên tòa sơ thẩm, do đó giữ nguyên quan điểm đã kết luận.

Lời sau cùng: Bị cáo Phạm Ngọc L xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2017 đến tháng 8/2018, các bị cáo Phùng Thị Hồng L, Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N đã bàn bạc, thống nhất sẽ nhờ Phạm Đức H1 (chồng cũ Ngọc Liên) đóng giả là ông Phương Tiến S là chủ sở hữu thửa đất số 43 diện tích 266m² tờ bản đồ số 24 tại tổ 1, cụm 1 phường X, quận T, thành phố H và thửa đất số 71a diện tích 70m² tờ bản đồ số 23 tại địa chỉ tổ 7, cụm 1, phường X, quận T, thành phố H để chuyển nhượng, sang tên, thế chấp vay tiền ngân hàng sau đó chiếm đoạt chia nhau. Cụ thể: Phạm Đức H1 giả mạo chủ đất là ông Phương Tiến S, nhờ vợ chồng ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị O đứng tên nhận chuyển nhượng thửa đất 266m², sau đó N cùng đồng phạm thế chấp thửa đất này vay Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 10.000.000.000đồng để chiếm đoạt chia nhau, trong đó Nguyễn Thị Ngọc N chiếm hưởng 8.150.000.000 đồng, Phạm Ngọc L chiếm hưởng 1.350.000.000 đồng, Phùng Thị Hồng L chiếm hưởng 500.000.000 đồng. Cũng bằng thủ đoạn như trên, Phạm Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc N và Phạm Đức H1 đã dùng thủ đoạn gian dối, chuyển quyền sử dụng thửa đất 70m² của ông Phương Tiến S sang tên cho Nguyễn Thị Ngọc N, sau đó N đứng tên thế chấp vay Ngân hàng TMCP C2 Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội số tiền 14.400.000.000 đồng để chiếm đoạt chia nhau, trong đó Nguyễn Thị Ngọc N chiếm hưởng 8.500.000.000 đồng, Phạm Ngọc L chiếm hưởng 5.900.000.000 đồng; Phạm Đức H1 không được chia tiền, đồng phạm giúp sức cho Phạm Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc N do nể nang Liên.

Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam và Ngân hàng TMCP C2 Việt Nam là 24.400.000.000 đồng, trong đó: N chiếm hưởng: 16.650.000.000 đồng, Phạm Ngọc L chiếm hưởng lợi 7.250.000.000 đồng và Phùng Thị Hồng L chiếm hưởng 500.000.000 đồng. Đến nay Nguyễn Thị Ngọc N đã trả lại Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam - Chi nhánh T11 là 279.791.583 đồng; Phạm Ngọc L tự nguyện giao nộp 60.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng

TMCP C2 Việt Nam xác nhận bị cáo N đã trả số tiền 170.000.000 đồng trong đó có 60.000.000 đồng tiền nợ gốc nên Ngân hàng chỉ yêu cầu bồi thường số tiền nợ gốc còn lại là 14.340.000.000 đồng và số tiền lãi theo hợp đồng.

Xét thấy, các bị cáo đã thực hiện một chuỗi các hành vi, thủ đoạn gian dối hết sức tinh vi từ việc nhờ người đóng vai chủ sở hữu tài sản, sử dụng các giấy tờ tùy thân giả tên chủ sở hữu để lừa khiến cho các ngân hàng tin là thật dẫn đến ký kết các hợp đồng thế chấp bảo lãnh khoản vay với người không phải chủ tài sản, hoặc thậm chí giả chủ sở hữu để qua mặt các cơ quan công chứng, quản lý đất đai để thực hiện hành vi mua bán chuyển nhượng bất hợp pháp tài sản. Bằng chính các thủ đoạn này, trước đó các bị cáo đã vay được 2 khoản vay của Ngân hàng Đ2 Việt Nam cụ thể khoản vay 3.000.000.000 đồng vào ngày 13 và 14/04/2017; khoản vay 1.690.000.000 đồng ngày 04/05/2017 của Ngân hàng Đ2 Việt Nam. Các khoản vay này về bản chất là các hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, song do các bị cáo sau đó đã tất toán khoản vay, bị hại chỉ bị chiếm đoạt bởi các hành vi sau này nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H chỉ truy tố hai hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10 tỷ đồng của Ngân hàng Đ2 Việt Nam và 14,4 tỷ đồng của TMCP C2 Việt Nam là phù hợp.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo, bị hại, người liên quan và nhân chứng đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Phạm Ngọc L: Trong vụ án này bị cáo Phạm Ngọc L và Nguyễn Thị Ngọc N đều đóng vai trò chủ mưu khởi xướng, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền lớn của các ngân hàng. Cho đến nay, các bị cáo mới khắc phục được phần nhỏ hậu quả. Bị cáo có vai trò khởi xướng và thực hiện tội phạm tích cực như chủ động tìm người đóng giả ông Phương Tiến S, chủ động thuê người làm giả chứng minh thư mang tên Phương Tiến S, chủ động đến văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển nhượng bất hợp pháp tài sản, chủ động đến ngân hàng ký các chứng từ giao dịch và nhận tiền. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nhân thân của bị cáo cũng như thái độ khắc phục hậu quả là đã nộp số tiền 60.000.000 đồng, cộng với thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, luôn tỏ ra ăn năn hối cải để áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 là đã có lợi cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xuất trình có bố dượng là ông Ngô Văn Thắng đã được tặng kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đầy. Tuy nhiên cho đến tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng chưa khắc phục cho các ngân hàng được đồng nào, hơn nữa hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng do đó mức hình phạt 18 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt

đối với bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Phùng Thị Hồng L: Bị cáo đã tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm tích cực. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải. Số tiền bị cáo Phùng Thị Hồng L chiếm đoạt hưởng là 500.000.000đồng. Bị cáo ra đầu thú nên áp dụng các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo 13 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút đơn kháng cáo. Xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Thị Hồng L.

[4] Xét kháng cáo của Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy: Các giao dịch chuyển nhượng nhà đất, thế chấp, bảo lãnh liên quan đến 2 diện tích đất của ông Phương Tiến S được thế chấp ở hai ngân hàng cần xác định đây là các giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy các giao dịch trên là đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị O, là người được các bị cáo nhờ đứng tên để nhận chuyển nhượng thửa đất 266m² của ông Phương Tiến S. Xác định việc chuyển nhượng diện tích đất trên là không đúng pháp luật nên Tòa sơ thẩm tuyên hủy các giao dịch do ông S1 đứng tên là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đưa ông Nguyễn Văn S1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định do đó kháng cáo của Ngân hàng Đ2 Việt Nam về nội dung này là không có căn cứ.

- Về việc Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam cho rằng hợp đồng tín dụng đã ký với ông S1 và bà O là hợp pháp, khoản vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp thông qua các hợp đồng bảo lãnh thế chấp hợp pháp nên Ngân hàng không bị lừa đảo và không phải là người bị hại trong vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy những quan điểm trên của ngân hàng là không có căn cứ bởi lẽ: Vụ án xuất phát từ quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và khách vay. Để có niềm tin và đồng ý cho vay từ phía ngân hàng nên ngay từ đầu các bị cáo đã rắp tâm tìm người đóng giả chủ sở hữu tài sản để thực hiện các thủ tục giấy tờ hoàn thiện thủ tục vay vốn nhằm chiếm đoạt tiền vay. Do đó không có căn cứ xem xét như đề nghị của Ngân hàng Đ2 Việt Nam.

[5] Phân trách nhiệm dân sự:

- Đối với Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam đã bị các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 10 tỷ đồng, trong đó:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N chiếm đoạt số tiền 8.150.000.000 đồng đã trả 279.791.583 đồng; cần buộc bị cáo phải tiếp tục trả cho ngân hàng số tiền còn lại.

+ Bị cáo Phùng Thị Hồng L chiếm đoạt 500.000.000 đồng; cần buộc bị cáo phải trả cho ngân hàng.

+ Bị cáo Phạm Ngọc L chiếm đoạt 1.350.000.000 đồng; cần buộc bị cáo phải trả cho ngân hàng.

- Đối với Ngân hàng TMCP C2 Việt Nam: đã bị các bị cáo chiếm đoạt số tiền 14,4 tỷ đồng trong đó:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N chiếm đoạt 8.500.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã trả được số tiền 60.000.000 đồng, nên buộc bị cáo phải trả cho ngân hàng số tiền 8.440.000.000 đồng.

+ Bị cáo Phạm Ngọc L chiếm đoạt 5.900.000.000 đồng; buộc bị cáo phải trả cho ngân hàng. Số tiền 60.000.000 đồng bị cáo Phạm Ngọc L nộp tại cơ quan điều tra hoàn trả cho Ngân hàng được đối trừ vào khoản phải trả.

- Tòa án cấp sơ thẩm huỷ bỏ các giao dịch thế chấp, chuyển nhượng, sang tên các tài sản là quyền sử dụng hai thửa đất của ông Phương Tiến S mà các bị cáo đã thực hiện. Ông S được quyền yêu cầu cơ quan quản lý Nhà nước xác định lại tên mình là chủ sở hữu quyền sử dụng đất trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất hoặc được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất mang tên mình là đúng.

[6] Như đã phân tích nêu trên cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo, Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam cũng không đưa ra được căn cứ gì mới, do đó cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận bị cáo Phạm Ngọc L, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phùng Thị Hồng L rút kháng cáo tại phiên tòa nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348, 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc L và kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ2 Việt Nam, giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 373/2020/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H. Cụ thể:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N, Phạm Ngọc L, Phùng Thị Hồng L và Phạm Đức H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phùng Thị Hồng L. Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 373/2020/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của

Tòa án nhân dân thành phố H đối với bị cáo Phùng Thị Hồng L có hiệu lực thi hành.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí:

Xử phạt Phạm Ngọc L 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Đối với Ngân hàng Ngân hàng Đ2 Việt Nam: Buộc bị cáo Phạm Ngọc L, Phùng Thị Hồng L phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng TMCP Đ2 Việt Nam số tiền 9.720.208.417 đồng, trong đó:

- Nguyễn Thị Ngọc N bồi thường số tiền 7.870.208.417 đồng (bảy tỷ tám trăm bảy mươi triệu hai trăm linh tám nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

- Phùng Thị Hồng L phải bồi thường 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

- Phạm Ngọc L phải bồi thường 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

2.2. Đối với Ngân hàng TMCP C2 Việt Nam: Đã bị các bị cáo chiếm đoạt số tiền 14,4 tỷ đồng. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N; Phạm Ngọc L phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng TMCP C2 Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Ngọc N bồi thường 8.500.000.000 đồng (tám tỷ năm trăm triệu đồng). N đã trả được 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tiền gốc, còn phải bồi thường tiếp 8.440.000.000 đồng (tám tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

- Phạm Ngọc L bồi thường 5.900.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm triệu đồng). Số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) bị cáo Phạm Ngọc L đã nộp cho cơ quan điều tra trả lại cho Ngân hàng Viettinbank và được đối trừ vào khoản bồi thường của bị cáo và còn phải bồi thường tiếp số tiền 5.840.000.000 đồng (năm tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng) cho Ngân hàng Viettinbank.

Trả cho Ngân hàng Viettinbank số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đã thu của bị cáo Phạm Ngọc L; cơ quan điều tra đã chuyển vào tài khoản số 3949.1052728 của Cục thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc Nhà nước H6 ngày 25/10/2019.

3. Án phí: Bị cáo Phạm Ngọc L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông

Vũ Thị Thu Hà

Bùi Xuân Trọng